TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ	*Hương Thủy, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81,82,83,84,110,116,117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trương Thọ L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Thọ L và chị Trần Thị D đăng ký kết hôn ngày 01/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị D là hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh L và chị D.

[2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị D và anh Trương Thọ L có 01 con chung là Trương Thọ Đ, sinh ngày 27/10/2012. Chị D và anh L thỏa thuận giao cháu Trương Thọ Đ cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trương Thọ L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng

(Một triệu năm trăm ngàn đồng); Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trương Thọ Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Trần Thị D và anh Trương Thọ L công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trương Thọ L.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trương Thọ Đ, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Trương Thọ L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trương Thọ Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trương Thọ L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Trương Thọ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Chị Trần Thị D và anh Trương Thọ L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005472 ngày 17/12/2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005471 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh L và chị D đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã T
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phan Thị Xuân Huế